

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2024/HSST

Ngày 28- 02-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hồng Hải**

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam sinh ngày: 05/5/1984 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 15, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Nguyễn Văn T (đã chết); Mẹ đẻ: Bùi Thị Bích H, sinh năm 1957, trú tại kKhu 15, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Phạm Thị Th (đã ly hôn); Có 2 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; Có 4 anh em ruột, bị cáo là thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Ngày 11/4/2019 bị công an huyện Ba Vì, TP Hà Nội xử phạt vi phạm hành C số tiền 2.500.000đ về hành vi “*Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*”.

Bị cáo Nguyễn Văn C bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/07/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo C: Ông **Lã Thành Công** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).*

Bị hại:

- Anh **Phạm Hồng N**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Khu 3, xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Bùi Thị Bích H**, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Khu 15, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với Nguyễn Văn C, sinh năm 1984, trú tại khu 15, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ và biết C thường môi giới mua bán đất nên tháng 3/2022, bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1980, trú tại khu 14, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ có nhu cầu bán thửa đất số 119, tờ bản đồ số 26, diện tích 619m² thuộc khu 14, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị V và Đinh Văn Kh, đã nhờ C tìm người mua thửa đất trên. Bà Vân đưa ra giá bán thửa đất là 1.740.000.000 đồng và thỏa thuận với C nếu tìm được người mua giá cao hơn thì C sẽ được hưởng phần chênh lệch. Sau đó, C tìm được người mua đất là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, trú tại khu 1, xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. C đưa anh Tuấn đến gặp vợ chồng bà Vân và hai bên thỏa thuận giá mua bán thửa đất trên là 1.880.000.000 đồng và lập hợp đồng đặt cọc, đồng thời đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 14/4/2022, anh Tuấn đã thanh toán đầy đủ tiền mua bán đất là 1.880.000.000 cho bà Vân, hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thực hiện chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã TV. Sau khi lập xong hợp đồng, bà Vân đã đưa toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng đặt cọc, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy tờ tùy thân của vợ chồng bà Vân, vợ chồng anh Tuấn và các giấy tờ liên quan khác cho C, đồng thời đưa cho C số tiền 140.000.000 đồng là tiền công môi giới mua bán đất và phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên để C đến quan chức năng làm thủ tục, C cam kết với bà Vân và anh Tuấn sẽ làm xong thủ tục chuyển nhượng trong thời gian 01 tháng nhưng C không thực hiện như cam kết.

Đến khoảng đầu tháng 5/2022, do cần tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, C hỏi vay tiền anh Phạm Hồng N, sinh năm 1993, trú tại khu 3, xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, anh Nam nói với C phải có tài sản thế chấp thì anh mới cho vay tiền, Do C không

có tài sản gì để thế chấp cho anh Nam và đang cầm toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng đất của bà Vân, nên C đã nảy sinh ý định làm giả hợp đồng đặt cọc đối với thửa đất bà Vân đã chuyển nhượng cho anh Tuấn để mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho anh Nam để vay tiền. C sử dụng máy tính vào mạng tải mẫu "hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất", in ra rồi tự điền thông tin đầy đủ về thửa đất, về giá mua bán là 1.880.000.000 đồng, đặt cọc trước 500.000.000 đồng, đại diện bên bán là Phạm Thị Vân, đại diện bên mua là Nguyễn Văn C, đại diện bên làm chứng là Nguyễn Văn T. C ký và ghi họ tên C vào bên mua, còn bên bán và bên làm chứng C nhờ người đi đường không quen biết ký và ghi họ tên. Ngày 05/5/2022, C mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vân và ông Khoá đến gặp anh Nam để vay tiền, anh Nam yêu cầu C cho xem hợp đồng và giấy tờ chuyển nhượng đất. C nói với anh Nam là C đã mua thửa đất trên và lập hợp đồng đặt cọc nhưng để ở nhà không đem theo. C sẽ đưa cho anh Nam sau. Do tin tưởng C đã mua thửa đất nêu trên của chị Vân và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Nam đã chuyển khoản từ số tài khoản 1065469788888 tại Ngân hàng Viettinbank mang tên Phạm Hồng N đến số tài khoản 2986999899999 tại Ngân hàng MBBank mang tên Nguyễn Văn C, cho C vay 94.000.000 đồng vào ngày 05/5/2022 và 94.000.000 đồng vào ngày 06/5/2022. Ngày 08/5/2022, C đưa cho anh Nam hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất do C làm giả và tiếp tục hỏi vay thêm tiền của anh Nam. Anh Nam yêu cầu C đưa cho anh Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và toàn bộ hồ sơ, sau khi xem hợp đồng anh Nam hỏi C tại sao trong hợp đồng thể hiện người mua là Nguyễn Văn T, C nói với anh Nam là C và anh Tuấn góp tiền mua đất, do anh Tuấn góp nhiều tiền hơn nên đứng tên trong hợp đồng. Anh Nam yêu cầu C cho số điện thoại của bà Vân để hỏi thông tin về thửa đất, C cho anh Nam số điện thoại của bà Vân, đồng thời C gọi điện và dặn bà Vân "nếu có người tên Nam gọi điện trao đổi về thửa đất thì chị trả lời là đã bán đất rồi, có gì cứ liên hệ với C". Do tin tưởng C, anh Nam đã chuyển khoản cho C vay tiền nhiều lần nữa, cụ thể: Ngày 09/5/2022, anh Nam cho C vay số tiền 186.000.000 đồng; Ngày 27/5/2022, anh Nam cho C vay số tiền 186.000.000 đồng; Ngày 28/5/2022, anh Nam cho C vay 70.000.000 đồng; ngày 01/6/2022 anh Nam cho C vay 92.000.000 đồng. Tổng số tiền C vay anh Nam là 815.000.000 đồng. Trong quá trình vay ngày 20/5/2022, C trả anh Nam số tiền 200.000.000 đồng, ngày 30/5/2022 C trả anh Nam 175.000.000 đồng, ngoài ra C còn trả lãi các khoản vay cho anh Nam. Đến cuối tháng 7/2022, do C không trả lãi đúng hạn cho anh Nam, nên anh Nam yêu cầu C trả tiền gốc còn nợ là 440.000.000 đồng. Đến ngày 08/8/2022, do vẫn tin tưởng C đã mua thửa đất trên của bà Vân nên anh Nam bảo C lập hợp đồng đặt cọc với nội dung anh Nam mua thửa đất trên của C và đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc là 20 ngày. Anh Nam bảo C không phải trả lãi nữa, trong thời hạn 20 ngày, nếu C trả anh Nam 440.000.000 đồng thì anh Nam trả lại toàn bộ hồ sơ mua

bán đất, nếu C không trả tiền cho anh Nam thì C phải bán lại thửa đất trên cho anh Nam, C đồng ý lập hợp đồng đặt cọc với anh Nam, nhưng sau đó không trả tiền cho anh Nam. Anh Nam đã nhiều lần liên lạc, tìm gặp C để yêu cầu C trả nợ nhưng C không trả nợ. Anh Nam gọi điện liên hệ với bà Vân thì được biết bà Vân không lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với C và không bán đất cho C. Số tiền 440.000.000 đồng vay của anh Nam, C sử dụng tiêu sài cho mục đích cá nhân hết.

Quá trình điều tra, anh Phạm Hồng N đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 119, tờ bản đồ 26, diện tích 619m², số CL364983 đứng tên Đinh Văn Kh và Phạm Thị Vân, 01 hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn C và Phạm Thị Vập ngày 31/3/2022, 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Đinh Văn Kh, Phạm Thị V và Nguyễn Văn T, Đỗ Thị Hồng Vân lập ngày 14/4/2022; 01 Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn C và Phạm Hồng N lập ngày 08/8/2022.

Ngày 14/3/2023, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn C và Phạm Thị Vập ngày 31/3/2022. Tại bản kết luận giám định số 433/KLGD-KTHS ngày 27/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: "Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C dưới mục "Đại diện bên B" trên "Hợp đồng đặt cọc" ngày 31/3/2022 (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trên 02 "Bản tự khai bản tường trình ngày 01/3/2023 (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký ra; Chữ viết trên "Hợp đồng đặt cọc" ngày 31/3/2022 đứng tên Nguyễn Văn C, trừ chữ ký, chữ viết dưới mục Đại diện bên A và dưới mục Đại diện bên C (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn C trên 02 "Bản tự khai bản tường trình", ngày 01/3/2023 (tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra".

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của C phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, C vay của anh Nam tổng số tiền 815.000.000 đồng, nhưng C vay thành nhiều lần, trong quá trình vay đã trả anh Nam số tiền 375.000.000 đồng, do đó không có căn cứ để xác định C lừa đảo chiếm đoạt của anh Nam số tiền 815.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Thủy đã tạm giữ của anh Phạm Hồng N: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 119, tờ bản đồ 26, diện tích 619m², số CL364983 đứng tên Đinh Văn Kh và Phạm Thị Vân, 01 hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử

dụng đất giữa Nguyễn Văn C và Phạm Thị Vập ngày 31/3/2022, 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Đinh Văn Khóa, Phạm Thị V và Nguyễn Văn T, Đỗ Thị Hồng Vân lập ngày 14/4/2022, 01 Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn C và Phạm Hồng N lập ngày 08/8/2022. Trên cơ sở thỏa thuận giữa bà Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn Tuấn, ngày 07/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL364983 đứng tên Đinh Văn Kh và Phạm Thị V cho anh Nguyễn Văn T. Tạm giữ của Nguyễn Văn C: 01 điện thoại di động Redmi 10c, màu đen, lắp sim số 0984.283.229 và 0328.128.652, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định là tài sản và giấy tờ cá nhân của C, không liên quan đến hành vi phạm tội; số tiền 2.500.000 đồng, xác định là số tiền của bà Bùi Thị Bích H, sinh năm 1957, trú tại khu 15, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (là mẹ đẻ Chính) gửi C để mua thức ăn chăn nuôi nhưng C chưa mua.

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKSTT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a, khoản 3 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

****Căn cứ:*** Điểm a, Khoản 3, Điều 174; Điểm s, v Khoản 1; Khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

****Tuyên bố:*** Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

****Xử phạt:*** Bị cáo Nguyễn Văn C từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 02/7/2023.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn C theo quy định tại Khoản 5, Điều 174 BLHS.

****Về trách nhiệm dân sự:*** Căn cứ Điều 30 BLTTHS; Khoản 1, Điều 584; Khoản 1, Điều 585; Khoản 1, Điều 586; Khoản 1, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Phạm Hồng N số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Xác nhận bà Bùi Thị Bích H mẹ đẻ bị cáo đã bồi thường cho bị hại 10.000.000đ (mười triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Văn C phải tiếp tục bồi thường cho anh Phạm Hồng N số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

****Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:*** Căn cứ Khoản 2, Điều 47 BLHS; Khoản 3, Điều 106 BLTTHS.

-Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 10C, màu đen, lắp sim số 0984.283.229 và 0328.128.652; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C.

- Trả lại cho bà Bùi Thị Bích H số tiền 2.500.000 đồng(hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Xác nhận cơ quan CSĐT công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là hợp pháp: Trả lại cho anh Nguyễn Văn T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL364983 đứng tên Đinh Văn Khoá và Phạm Thị Vẽ để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

****Về án phí:*** Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 21.200.000đ (Hai mươi một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

**Người bào chữa cho bị cáo C trình bày quan điểm: Nhất trí với tội danh và các vấn đề khác đối với bị cáo C như đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội. Do bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.*

**Bị cáo Nguyễn Văn C nhất trí với tội danh và các vấn đề khác đối với bị cáo C như đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.*

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy việc họ vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét

xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 BLTTHS để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Để có tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân, tháng 5/2022, Nguyễn Văn C đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác giao cho C giấy tờ để làm thủ tục chuyển nhượng chuyển quyền sử dụng đất, C đã dùng thủ đoạn gian dối, lập hợp đồng đặt cọc giả và đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân đã được chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 26, diện tích 619m² thuộc khu 14, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ để tạo lòng tin, cầm cố vay mượn, sau đó chiếm đoạt của anh Phạm Hồng N số tiền 440.000.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Văn C đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

[2] Xét tính chất vụ án: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng xuất phát từ nhu cầu cần tiền chi tiêu cá nhân, lợi dụng sự tin tưởng của người khác bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền lớn. Do đó cần phải xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo C không có tiền án tiền sự, nhưng lịch sử bản thân ngày 11/4/2019 bị công an huyện Ba Vì, TP Hà Nội xử phạt vi phạm hành C số tiền 2.500.000đ về hành vi “*Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*”. Bị cáo chưa nộp phạt do đã hết thời hiệu, được coi là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Khoản 1, Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; bị cáo đã đạt được thành tích là giáo viên giỏi trong cuộc thi Giáo viên giỏi vì vậy được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Người phạm tội có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác*” được quy định tại Điểm s, v Khoản 1, Điều 51 BLHS.

Ngoài ra, bị cáo có mẹ đẻ là bà Bùi Thị Bích H được Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo tặng Huy chương “*Vì sự nghiệp giáo dục*”; tại phiên tòa người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã vận động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, do đó HĐXX áp dụng Khoản 2, Điều 51 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[4] Về hình phạt C: Xét thấy, từ sự phân tích trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 174 của Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Theo xác minh của cơ quan điều tra ngoài những tài sản phục vụ sinh hoạt hàng ngày, bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 440.000.000 đồng bị cáo C chiếm đoạt cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Hồng N. Bà Bùi Thị Bích H mẹ đẻ bị cáo đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại 10.000.000đ. Tại phiên tòa, anh Phạm Hồng N yêu cầu C phải bồi thường cho anh số tiền 430.000.000đ. Vì vậy, buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải tiếp tục bồi thường cho anh Phạm Hồng N số tiền 430.000.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*).

[7] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Đối với căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C và 01 điện thoại Redmi 10C, màu đen, lắp sim số 0984.283.229 và 0328.128.652 xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo C, không liên quan đến hành vi phạm tội vì vậy cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 2.500.000 đồng là tiền của bà Bùi Thị Bích H là mẹ đẻ C đưa cho C để mua gạo và cám cho gà nhưng C chưa mua, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của bà Hậu vì vậy cần trả lại cho bà Hậu.

- Đối tài sản của chủ sở hữu là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cơ quan CSĐT đã trả lại là hợp pháp, cần xác nhận: Trả lại cho anh Nguyễn Văn T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL364983 đứng tên Đinh Văn Khoá và Phạm Thị Vẽ các bên thực hiện việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất.

[8] Đối với anh Phạm Hồng N, bị cáo C khai nhận vay của anh Nam số tiền 870.000.000 đồng với lãi suất 3000 – 3500 đồng/1 triệu/1 ngày, mỗi ngày chuyển tiền cho anh Nam đều cắt luôn 20 ngày tiền lãi, nên tổng số tiền anh Nam chuyển cho C là 815.000.000 đồng, tuy nhiên anh Nam không thừa nhận nội dung trên, anh Nam khai chỉ cho C vay 815.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất 1,5%/tháng. Kết quả sao kê thể hiện anh Nam chuyển khoản cho C vay số tiền 815.000.000 đồng, việc tính lãi suất không có giấy tờ thể hiện, ngoài lời khai của C không có tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi cho vay lãi nặng của anh Nam, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không có căn cứ để xử lý đối với anh Phạm Hồng N là phù hợp.

[9] Về án phí và Quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ:** Điểm a, Khoản 3, Điều 174; Điểm s, v Khoản 1; Khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

***Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

***Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn C **07(bảy)** năm **06(sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 02/7/2023.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn C theo quy định tại Khoản 5, Điều 174 BLHS.

***Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 30 BLTTHS; Khoản 1, Điều 584; Khoản 1, Điều 585; Khoản 1, Điều 586; Khoản 1, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Phạm Hồng N số tiền 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*). Xác nhận bà Bùi Thị Bích H mẹ đẻ bị cáo đã bồi thường cho bị hại là 10.000.000đ(*mười triệu đồng*). Bị cáo Nguyễn Văn C phải tiếp tục bồi thường cho anh Phạm Hồng N số tiền 430.000.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

***Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:** Căn cứ Khoản 2, Điều 47 BLHS; Khoản 3, Điều 106 BLTTHS.

-Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi 10C, màu đen, số Imei1:861575067358480,số Imei2: 861575067358493; lắp sim số 0984.283.229 và 0328.128.652; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C.

- Trả lại cho bà Bùi Thị Bích H số tiền 2.500.000 đồng(*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2024).

- Xác nhận cơ quan CSĐT công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là hợp pháp: Trả lại cho anh Nguyễn Văn T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL364983 đứng tên Đinh Văn Khoá và Phạm Thị Vân.

***Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23; Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 21.200.000đ (Hai mươi một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

***Quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo Bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu TAND tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND H.Thanh Thủy,
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Trại TG CA tỉnh PT;
- CA H. Thanh Thủy;
- CQ THAHS;
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- UBND xã nơi BC cư trú;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lương Viết Tú